TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 511/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thủy
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 963/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-08-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 234/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27-08-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Cẩm L**, sinh năm: 1996. (Vắng mặt và có nộp đơn vắng mặt).

Căn cước công dân: 082196xxxxxx, nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 22/11/2021.

Địa chỉ: Ấp B, xã P (xã C, huyện G, tỉnh T cũ), tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông **Võ Thanh T**, sinh năm: 1990. (Vắng mặt)

Chứng minh nhân dân: 024xxxxxx, nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ngày cấp : 29/08/2007.

Địa chỉ: B12/12 ấp X, xã D (ấp Y, xã D, huyện E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 09 năm 2024, bản tự khai ngày 26/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Lê Thị Cẩm L bày như sau:

Bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Thanh T chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 10/2014, quyển số: 01/2014, ngày đăng ký kết hôn: 21/01/2014). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn nữa, hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau. Do đó, bà L yêu cầu được ly hôn với ông

Võ Thanh T.

Về con chung: Bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Thanh T chung sống với nhau có 02 (hai) con chung như sau:

1. Võ Lê Như N, sinh ngày: 12/01/2014, giới tính: Nữ.

2. Võ Lê Như Y, sinh ngày: 10/07/2019, giới tính: Nữ.

Hiện tại các con đang sống chung với bà L, sau khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu ông Võ Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Cẩm L xác nhận không có, không yêu cầu Toàn án giải quyết.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Bà Lê Thị Cẩm L xác nhận không có, không yêu cầu Toàn án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Cẩm L vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt bà L.

Bị đơn – ông Võ Thanh T đã được Tòa án nhân dân khu vực 10 (Tòa án nhân dân huyện E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt tại nơi cư trú: B12/12 ấp X, xã D (ấp Y, xã D, huyện E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Võ Thanh T vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 –Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị Cẩm L. Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm L chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Lê Thị Cẩm L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh T tại Tòa án nhân dân huyện E (nay là Toà án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh), hiện tại ông Võ Thanh T cư trú tại xã D (ấp Y, xã D, huyện E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh T (Theo giấy chứng nhận kết hôn số:

10/2014, quyển số: 01/2014, ngày đăng ký kết hôn: 21/01/2014). Do đó, hôn nhân giữa bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Lê Thị Cẩm L vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà L. Bị đơn – ông Võ Thanh T vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì Toà án vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn – bà Lê Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Võ Thanh T; Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Võ Lê Như N, sinh ngày: 12/01/2014, giới tính: Nữ và Võ Lê Như Y, sinh ngày: 10/07/2019, giới tính: Nữ. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 trẻ Võ Lê Như N và Võ Lê Như Y, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn tự khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chung: nguyên đơn tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn - ông Võ Thanh T vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản cũng như không trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền trình bày của mình trước toà.

[6] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm L đối với ông Võ Thanh T. Bà Lê Thị Cẩm L chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, ly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận Có 02 (hai) con chung tên là Võ Lê Như N, sinh ngày: 12/01/2014, giới tính: Nữ và Võ Lê Như Y, sinh ngày: 10/07/2019, giới tính: Nữ, hiện tại cả 02 trẻ đang sống chung với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Võ Lê Như N có nguyện vọng muốn chung sống với mẹ và em gái. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc 02 trẻ Võ Lê Như N và Võ Lê Như Y là phù hợp với tình hình sinh sống, học tập của 2 trẻ Võ Lê Như N và Võ Lê Như Y.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn.

[10] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác nhận tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[12] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Cẩm L.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Thanh T chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy Chứng nhận kết hôn số: 10/2014, quyển số: 01/2014, ngày đăng ký kết hôn: 21/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh T cấp cho bà Lê Thị Cẩm L và ông Võ Thanh T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Có 02 (hai) con chung

- Võ Lê Như N, sinh ngày: 12/01/2014, giới tính: Nữ.
- Võ Lê Như Y, sinh ngày: 10/07/2019, giới tính: Nữ.

Bà Lê Thị Cẩm L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) trẻ Võ Lê Như N và Võ Lê Như Y.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Võ Thanh T.

Ông Võ Thanh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Cẩm L xác nhận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Lê Thị Cẩm L xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

5- Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm năm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Bà L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0051291 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Thi hành án dân sự (Chi cục Thi hành án dân sự huyện E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Cẩm L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Các đương sự (4);
- Cơ quan nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi

2 000015 803205